

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày: 13/6/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang; Ông Ngô Trọng Búp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Linh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2024/TLST-DS ngày 02/12/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Kim Nh, sinh năm 1972; Anh Phan Văn V, sinh năm 1994 và anh Phan Văn D, sinh năm 2005. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức D1, sinh năm 1992. Địa chỉ: 159 LTT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Đức D1 vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nhan Thủy T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bà T vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phan Văn B, sinh năm 1992. Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Anh B vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim Nh, anh Phan Văn V, anh Phan Văn D và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D1 trình bày:

Ngày 11/01/2023 âm lịch (nhằm ngày 01/02/2023 dương lịch) ông Phan Văn S cho bà Nhan Thủy T vay số tiền 39.000.000 đồng để lo công việc gia đình, thời hạn vay là 01 năm từ ngày 11/01/2023 âm lịch đến ngày 11/01/2024 âm lịch (nhằm ngày 20/02/2024 dương lịch), không thỏa thuận lãi suất. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà Nhan Thủy T chưa trả bất kỳ khoản tiền nào. Ông Phan Văn S chết ngày 11/9/2024. Bà Đoàn Thị Kim Nh (vợ ông S), anh Phan Văn V, ông Phan Văn D (con ruột của ông S) là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S.

Bà Nh, anh V và anh D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nhan Thủy T phải trả cho bà Nh, anh V và anh D số tiền nợ gốc 39.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ, kể từ ngày 21/02/2024 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự theo mức lãi suất 10%/năm.

*** Tại bản tự khai ngày 10/02/2025, bị đơn bà Nhan Thủy T trình bày:**

Ngày 01/01/2023, bà T tham gia chơi huê trong nhóm gồm có 13 người chơi, do bà Nh là chủ nhóm huê. Mỗi người trong nhóm huê đóng 3.000.000 đồng/năm. Bà Nh cho bà T hót đầu huê 20.000.000 đồng, do bà T hót đầu nên phải chịu lỗ 1.000.000 đồng, bà T chỉ được nhận 19.000.000 đồng. Bà T gặp ông S (chồng bà Nh) để làm giấy vay tiền ngày 11/01/2023 (âm lịch) có nội dung bà T vay của ông Phan Văn S số tiền 39.000.000 đồng. Khi viết giấy vay tiền, ông S có giữ của bà T 01 sổ hộ khẩu Nguyễn Văn T, Căn cước công dân và bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T đã thanh toán nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản và trả tiền mặt, chỉ còn nợ lại bà Nh 5.000.000 đồng. Bà T đã lấy lại giấy tờ đã giao cho ông S. Bà T chỉ đồng ý trả cho bà Nh số tiền còn lại 5.000.000 đồng.

*** Tại bản tự khai ngày 07/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn B trình bày:**

Ông Phan Văn Bính đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có ý kiến gì. Ông B không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định theo BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định của BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều có đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 228, 238 BLTTDS đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử.

- Về nội dung, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 39.000.000 đồng tiền nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 11/01/2023 (âm lịch) và tiền lãi kể từ ngày 21/02/2024 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án tính theo lãi suất 10%/năm.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả tiền vay. Bị đơn cư trú tại: dân phố 9, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

Các đương sự vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và 238 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Giấy vay tiền ngày 11/01/2023-âm lịch: Bị đơn thừa nhận chữ viết và ký trong giấy vay, việc ký giấy vay tiền là tự nguyện, không bị ép buộc. Các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự (BLDS). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS, giấy vay tiền ngày 11/01/2023-âm lịch do nguyên đơn cung cấp là chứng cứ đã được các đương sự thừa nhận, có thật không phải chứng minh.

Đến thời điểm xét xử, bị đơn không xuất trình chứng cứ chứng minh cho nội dung trình bày tại bản tự khai ngày 10/02/2025 là có căn cứ. Do đó HĐXX không có cơ sở để xem xét. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bị đơn vay tiền của ông S nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ. Do ông S đã chết nên Bà Nh, ông D, ông V là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn là có căn cứ. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn nợ gốc 39.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 11/01/2023-âm lịch.

[2.2] Về lãi suất, do bị đơn vi phạm thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nguyên đơn yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 10%/năm tính trên nợ gốc tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ 21/02/2024 dương lịch (tức ngày 12/01/2024 âm lịch) là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 357 BLDS. Căn cứ Điều 357, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 BLDS, HĐXX cần buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (từ 21/02/2024 đến ngày 13/06/2025 là 478 ngày) là: $(39.000.000\text{đồng} \times 10\%) \times 478 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} = 5.107.000\text{đồng}$

Như vậy, tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn 44.107.000 đồng.

[3] Vấn đề khác: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn B là con ruột của ông Phan Văn S, thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Sơn không có yêu cầu gì trong vụ án nên HĐXX không đề cập giải quyết. Ông ... bà... là bố mẹ ruột của ông Sơn thuộc hàng kế thứ nhất đã chết nên không đề cập xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn là $44.107.000\text{đồng} \times 5\% = 2.205.350\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3, Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 92; Khoản 1 Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 357, Điều 463, khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim Nh, anh Phan Văn V và anh Phan Văn D: Buộc bị đơn bà Nhan Thủy T phải trả cho bà Nhung, anh T và anh D tổng cộng 44.107.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu một trăm linh bảy nghìn đồng*). Trong đó: 39.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 11/01/2023-âm lịch và tiền lãi chậm trả trên nợ gốc là 5.107.000đồng.

Kể từ ngày 14/06/2024, cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Bị đơn bà Nhan Thủy T phải chịu 2.205.350đồng (*Hai triệu hai trăm lẻ năm nghìn ba trăm năm mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim Nh, anh Phan Văn V và anh Phan Văn D 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0008832 ngày 20/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrăk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hải